

quản cấp trên phải thỏa thuận với cơ quan tài chính đồng cấp về mức giao thu, chi, nộp ngân sách cho từng đơn vị.

Các đơn vị kiểm định an toàn có trách nhiệm tổ chức thu, trích nộp khoản thu vào ngân sách đầy đủ đúng hạn theo thông báo của cơ quan thuế.

Các trường hợp đơn vị đã kiểm định kỹ thuật an toàn và gửi hồ sơ đăng ký về Thanh tra nhà nước về an toàn lao động để xin cấp giấy phép, nhưng khi kiểm tra, thẩm định chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép do lỗi của đơn vị kiểm định, thì đơn vị kiểm định phải tiến hành kiểm định lại và tự chịu toàn bộ chi phí.

5. Quyết toán thu, chi lệ phí kiểm định, lệ phí cấp giấy phép:

Các đơn vị tổ chức thu lệ phí có trách nhiệm mở sổ sách kế toán để ghi chép, hạch toán và quyết toán số thu, chi phí, lệ phí theo đúng quy định tại Quyết định số 999/TC/QĐ-CDKT ngày 02/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Hệ thống chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Cơ quan chủ quản có trách nhiệm duyệt quyết toán thu, chi lệ phí và các khoản thu, chi khác của các đơn vị trực thuộc và báo cáo quyết toán chung gửi cơ quan tài chính đồng cấp thẩm định và ra thông báo duyệt quyết toán cùng với quyết toán năm của cơ quan chủ quản.

6. Tổ chức thực hiện:

- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các Trung tâm kiểm định an toàn kỹ thuật trong việc thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng tiền thu lệ phí kiểm định, lệ phí cấp giấy phép; chế độ quản lý sử dụng biên lai, chứng từ; chế độ ghi chép, kế toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định.

- Các đơn vị kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng các quy định tại Thông tư này. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính đồng cấp tổ chức kiểm tra.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 5 năm 2000, những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

THÔNG TƯ số 103/2000/TT-BTC ngày 20/10/2000 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 136/1999/QĐ-BTC ngày 10/11/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mức lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam;

Sau khi thống nhất với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và

cư trú tại Việt Nam là khoản thu của ngân sách nhà nước nhằm mục đích bù đắp một phần chi phí cho các hoạt động quản lý nhà nước và cấp phép về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

2. Đơn vị tổ chức thu lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam được trích 30% số lệ phí thu được để chi cho các nội dung chi quy định tại Thông tư này. Số thu còn lại (70%) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Chương, loại, khoản, mục và tiểu mục của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Việc sử dụng lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam hàng năm phải được lập dự toán và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nội dung chi:

1.1. Chi thường xuyên đảm bảo cho các hoạt động cấp hộ chiếu, thị thực và các giấy tờ khác liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú tại Việt Nam. Nội dung chi bao gồm:

- Chi mua hoặc in ấn, chuyên chở, hộ chiếu, thị thực và các loại mẫu biểu.
- Chi văn phòng phẩm.
- Chi trả tiền công, các khoản đóng góp cho lao động hợp đồng theo chế độ quy định.
- Chi bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ cho công chức, viên chức cấp hộ chiếu, thị thực và các giấy tờ khác liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú tại Việt Nam theo chế độ quy định.
- Chi phí sửa chữa công cụ, phương tiện thực hiện việc cấp hộ chiếu, thị thực và các giấy tờ khác liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú tại Việt Nam.

- Các khoản chi khác liên quan đến công tác cấp hộ chiếu, thị thực và các giấy tờ khác liên

quan đến xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú tại Việt Nam.

1.2. Trích quỹ khen thưởng cho công chức, viên chức của đơn vị tổ chức thu lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực và các giấy tờ khác liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú tại Việt Nam. Mức trích quỹ khen thưởng bình quân một năm cho một người tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện.

Số 30% lệ phí được trích để lại, sau khi đã trừ số thực chi theo nội dung quy định nêu trên, cuối năm nếu sử dụng không hết thì phải nộp toàn bộ phần còn lại vào ngân sách nhà nước.

2. Lập và chấp hành dự toán thu, chi lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam:

2.1. Hàng năm, căn cứ vào mức thu theo quy định của Bộ Tài chính ban hành biểu mức thu lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam và nội dung chi quy định tại Thông tư này và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, đơn vị tổ chức thu lệ phí lập dự toán thu, chi lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam chi tiết theo Mục lục Ngân sách nhà nước báo cáo cơ quan chủ quản để tổng hợp gửi cơ quan tài chính phê duyệt.

2.2. Căn cứ vào dự toán thu, chi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị tổ chức thu phí, lệ phí lập dự toán thu, chi hàng quý chi tiết theo Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành gửi cơ quan chủ quản, Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, cơ quan tài chính đồng cấp để làm căn cứ kiểm soát thu, chi.

2.3. Đơn vị tổ chức thu lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam phải mở tài khoản thu phí, lệ phí tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

2.4. Đơn vị tổ chức thu lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam có trách nhiệm kê khai, thu, nộp và quản lý tiền lệ phí theo đúng quy định hiện hành. Định kỳ hàng tháng, cơ quan tổ chức thu phải lập báo cáo tình

hình thu và nộp ngay 70% số thực thu vào ngân sách nhà nước.

3. Quyết toán thu, chi lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam:

- Các đơn vị tổ chức thu lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam có trách nhiệm mở sổ sách kế toán để ghi chép, hạch toán và quyết toán số thu, chi phí, lệ phí theo đúng quy định tại Quyết định số 999/TC/QĐ-CDKT ngày 02/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Cơ quan chủ quản có trách nhiệm kiểm tra xác nhận quyết toán thu, chi lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam của các đơn vị trực thuộc để quyết toán với cơ quan thuế và tổng hợp vào báo cáo quyết toán năm gửi cơ quan tài chính thẩm định và ra thông báo duyệt quyết toán cùng với quyết toán năm của cơ quan chủ quản.

- Cơ quan chủ quản có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính tổ chức kiểm tra định kỳ (hoặc đột xuất) các đơn vị tổ chức thu để đảm bảo thu, chi đúng chế độ quy định.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Các quy định tại Thông tư này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2000. Các quy định khác về sử dụng lệ phí nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

BỘ THỦY SẢN

THÔNG TƯ số 02/2000/TT-BTS ngày 04/8/2000 hướng dẫn vận dụng tiêu chuẩn xếp hạng doanh nghiệp đặc thù ngành Thủy sản.

Ngày 31 tháng 12 năm 1998 liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính có Thông tư liên tịch số 17/1998/TTLT-BLĐTBXH-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ về việc xếp hạng doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo 48 bảng tiêu chuẩn xếp hạng. Tuy nhiên trên thực tế các bảng phụ lục này vẫn không thể đề cập hết những loại doanh nghiệp đặc thù, vì vậy tại điểm 4 mục VII có đề nghị "Đối với các doanh nghiệp chưa có tiêu chuẩn xếp hạng thì các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị Tổng công ty 91/TTg tiến hành xây dựng tiêu chuẩn bổ sung hoặc vận dụng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư liên tịch số 17/1998/TTLT-BLĐTBXH-BTC để tiến hành xếp hạng cho doanh nghiệp.

Sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 2061/LĐTBXH ngày 28/6/2000 và Bộ Tài chính tại Công văn số 2068/TC-TCDN ngày 26/5/2000, Bộ Thủy sản hướng dẫn vận dụng tiêu chuẩn xếp hạng cho doanh nghiệp đặc thù ngành Thủy sản như sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Các doanh nghiệp nhà nước thuộc 3 Tổng công ty:

- Tổng công ty Thủy sản Việt Nam;
- Tổng công ty Hải sản biển Đông;
- Tổng công ty Thủy sản Hạ Long.

2. Các doanh nghiệp nhà nước khác thuộc Bộ Thủy sản quản lý.